

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**

**TRƯỜNG THPT VIỆT MỸ ANH**

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN ĐỊA LÍ**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (16 câu – 4 điểm)**

**Câu 1:** Tây Nam Á có vị trí địa lí ở

- A. tây nam châu Á.
- B. giáp Đông Á và Tây Á.
- C. liền kề đất liền châu Phi.
- D. giáp Thái Bình Dương.

**Câu 2:** Tây Nam Á giáp châu Phi qua

- A. kênh đào Xuy-ê và Biển Đỏ.
- B. Biển Đỏ và Địa Trung Hải.
- C. Địa Trung Hải và Biển Đen.
- D. Biển Đen và kênh đào Xuy-ê.

**Câu 3:** Phần lớn diện tích Tây Nam Á có địa hình là

- A. núi, cao nguyên và hoang mạc.
- B. cao nguyên, đồi thấp, đồng bằng.
- C. đồi thấp, sơn nguyên, đầm lầy.
- D. sơn nguyên, đầm lầy, đồng bằng.

**Câu 4:** Khí hậu Tây Nam Á chủ yếu mang tính chất

- A. nóng ẩm.
- B. nóng khô.
- C. lạnh khô.
- D. lạnh ẩm.

**Câu 5:** Tây Nam Á là nơi ra đời của

- A. Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái.
- B. Phật giáo, Cơ đốc giáo, Do Thái.
- C. Hồi giáo, Thiên chúa, Do Thái.
- D. Phật giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái.

**Câu 6:** Ngành kinh tế đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế khu vực Tây Nam Á là

- A. dầu khí.
- B. trồng trọt.
- C. chăn nuôi.
- D. thủy sản.

**Câu 7:** Các sản phẩm trồng trọt chính của khu vực Tây Nam Á là

- A. lúa gạo, lúa mạch, bông.
- B. ngô, lúa mạch, bông.
- C. lúa mì, bông, chà là.
- D. lúa mì, đậu tương, bông.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây đúng về dân cư Tây Nam Á?

- A. có mật độ khá thấp.
- B. phân bố đồng đều.
- C. tỉ lệ dân thành thị thấp.
- D. quy mô dân số đồng đều.

**Câu 9:** Vấn đề cần quan tâm hàng đầu trong phát triển trồng trọt ở Tây Nam Á là

- A. giải quyết vấn đề nước tưới.
- B. tạo giống mới năng suất cao.
- C. cải tạo đất trồng tăng độ phì.
- D. tìm thị trường tiêu thụ ổn định.

**Câu 10:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực Tây Nam Á có sự biến động theo từng giai đoạn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Giá dầu biến động, xung đột vũ trang và dịch bệnh.
- B. Biến đổi khí hậu, động đất và cháy rừng nhiều nơi.
- C. Xung đột sắc tộc, khủng hoảng kinh tế và thiên tai.
- D. Đại dịch Covid-19, động đất nhiều nơi, chiến tranh.

**Câu 11:** Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực Tây Nam Á do các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

- A. Chính sách phát triển, khoa học kĩ thuật, dân cư.
- B. Tài nguyên, địa chính trị, các nguồn vốn đầu tư.
- C. Nguồn lao động, tài nguyên thiên nhiên và vị trí.
- D. Khoáng sản, chính sách và khoa học công nghệ.

**Câu 12:** Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

- A. xích đạo.
- B. nhiệt đới.
- C. ôn đới.
- D. hàn đới.

**Câu 13:** Lãnh thổ Hoa Kỳ **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương.
- B. Đại Tây Dương.
- C. Ấn Độ Dương.
- D. Thái Bình Dương.

**Câu 14:** Ha-oai là quần đảo nằm giữa Thái Bình Dương có tiềm năng lớn về

- A. muối mỏ, hải sản.
- B. hải sản, du lịch.
- C. kim cương, đồng.
- D. du lịch, than đá.

**Câu 15:** Hiện nay ở Hoa Kỳ, người Anh diêng sống tập trung ở vùng

- A. đồi núi phía Tây.
- B. đồi núi phía Đông.
- C. đồng bằng phía Nam.
- D. đồi gò phía Bắc.

**Câu 16:** Dân cư Hoa Kỳ có nguồn gốc chủ yếu từ

- A. Châu Âu.
- B. Châu Phi.
- C. Châu Á.
- D. Mĩ La tinh.

**Câu 17:** Bang Alaxca nổi tiếng nhất với loại khoáng sản

- A. Than và quặng sắt.
- B. Thiếc và đồng.
- C. Dầu mỏ và khí đốt.
- D. Vàng và kim cương

**Câu 18:** Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

- A. vùng Đông Bắc.
- B. vùng Đông Nam.
- C. vùng trung tâm.
- D. vùng phía Tây.

**Câu 19:** Khu vực có nhiều người châu Á sinh sống nhiều nhất hiện nay ở Hoa Kỳ là

- A. Ven Thái Bình Dương.
- B. Ven Đại Tây Dương
- C. Ven Vịnh Mécô.
- D. Trong nội địa

**Câu 20:** Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hoá chất, dệt,... là các ngành công nghiệp chủ yếu của

- A. vùng Phía Tây.
- B. vùng Đông Bắc.
- C. vùng phía Nam.
- D. vùng Nội địa.

**Câu 21:** Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu do

- A. nhập cư.
- B. tỉ suất sinh cao.
- C. gia tăng tự nhiên.
- D. tỉ suất tử thấp.

**Câu 22:** Hai đại dương ngăn cách Hoa Kỳ với các châu lục khác là

- A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
- C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.
- D. Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.

**Câu 23:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

- A. Dân đông nhờ một phần lớn vào nhập cư.
- B. Người châu Âu chiếm tỉ lệ lớn dân cư.
- C. Chi phí đầu tư ban đầu cho nhập cư cao.
- D. Nguồn nhập cư là nguồn lao động lớn.

**Câu 24:** Miền Đông Bắc Hoa Kỳ sớm trở thành cái nôi của ngành công nghiệp Hoa Kỳ, nhờ có

- A. nguồn than, sắt và thủy điện phong phú.
- B. đồng bằng rộng lớn, phì nhiêu.

C. dầu mỏ và khí đốt phong phú.

D. giao thông vận tải phát triển.

**Câu 25:** Nhận định nào dưới đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kỳ hiện nay?

A. Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế Hoa Kỳ.

B. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

C. Hoạt động dịch vụ rất đa dạng.

D. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch.

**Câu 26:** Hướng di chuyển chủ yếu trong phân bố dân cư Hoa Kỳ hiện nay là

A. vùng Đông Bắc xuống vùng Đông Nam.

B. vùng Đông Bắc sang vùng núi cao phía Tây.

C. vùng Đông Bắc vào vùng đồng bằng trung tâm.

D. vùng Đông Bắc đến vùng phía Nam và ven TBD.

**Câu 27:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về nền sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ?

A. Nền nông nghiệp phát triển hàng đầu thế giới.

B. Giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông, tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.

C. Sản xuất theo hướng đa dạng hóa nông sản trên cùng một lãnh thổ.

D. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu cung cấp cho nhu cầu trong nước.

**Câu 28:** Hiện nay, cơ cấu ngành kinh tế của Hoa Kỳ **không** thay đổi theo hướng nào dưới đây?

A. Từ khu vực sản xuất vật chất sang khu vực phi sản xuất vật chất.

B. Từ nông nghiệp chuyên canh sang nông nghiệp sinh thái tổng hợp.

C. Từ công nghiệp truyền thống sang công nghiệp hiện đại.

D. Từ dịch vụ sang công nghiệp và nông nghiệp.

**Câu 29:** Đặc điểm chủ yếu của ngành Công nghiệp Hoa Kỳ hiện nay

A. là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.

B. là ngành tạo nên sức mạnh cho nền kinh tế Hoa Kỳ.

C. tỉ trọng trong GDP có xu hướng tăng lên.

D. khai thác là ngành có giá trị cao nhất trong cơ cấu công nghiệp.

**Câu 30:** Sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ đang mở rộng xuống các bang

A. phía Tây và ven Thái Bình Dương.

B. phía Nam và ven Thái Bình Dương.

C. phía Tây Nam và ven vịnh Mêhicô.

D. ven Thái Bình Dương và phía Bắc.

**Câu 31.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thuận lợi chủ yếu để phát triển kinh tế của Hoa Kỳ?

A. Giàu có về tài nguyên thiên nhiên.

B. Nguồn lao động kỹ thuật dồi dào.

C. Kinh tế không bị chiến tranh tàn phá.

D. Phát triển từ một nước tư bản lâu đời.

**Câu 32.** Nhận định nào sau đây đúng khi nói về sự phát triển mạnh mẽ của ngành dịch vụ Hoa Kỳ?

A. Thông tin liên lạc rất hiện đại, nhưng chỉ phục vụ nhu cầu trong nước.

B. Ngành du lịch phát triển mạnh, doanh thu du lịch thấp và du khách ít.

C. Ngành ngân hàng và tài chính chỉ hoạt động trong phạm vi trong nước.

D. Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.

**Câu 33.** Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm ngành thương mại Hoa Kỳ?

- A. Đối tác thương mại chính là Việt Nam, Mê-hi-cô.
- B. Thị trường nội địa có sức mua yếu và trung bình.
- C. Là cường quốc về ngoại thương và xuất khẩu nhỏ.
- D. Nội thương Hoa Kỳ có quy mô đứng đầu thế giới.

**Câu 34.** Nhận định nào dưới đây **không** đúng với đặc điểm tự nhiên của vùng Trung tâm Hoa Kỳ?

- A. Phần phía Nam là đồng bằng phù sa màu mỡ thuận lợi trồng trọt.
- B. Phần phía Tây, phía Bắc có địa hình đồi gò thấp, nhiều đồng cỏ.
- C. Nhiều loại khoáng sản với trữ lượng lớn: than, quặng sắt, dầu khí.
- D. Phía bắc có khí hậu ôn đới và vịnh Mê-hi-cô có khí hậu nhiệt đới.

**Câu 35.** Vùng phía Tây Hoa Kỳ có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Có đồng bằng phù sa màu mỡ và vùng đồi thấp, cao nguyên.
- B. Các dãy núi trẻ cao, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên.
- C. Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương, dãy núi A-pa-lat.
- D. Khu vực gò đồi thấp, các đồng cỏ rộng thích hợp chăn nuôi.

## B. PHẦN TỰ LUẬN – KĨ NĂNG (6 điểm)

**DẠNG 1:** Tính tỉ trọng giá trị xuất khẩu/ nhập khẩu hoặc tỉ lệ dân thành thị/ nông thôn. Nhận xét.

**DẠNG 2:** Vẽ biểu đồ thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị XK-NK/ Tỉ lệ dân thành thị-nông thôn của một số quốc gia. Nhận xét.

**DẠNG 3:** Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

## C. BÀI TẬP

**Bài 1:**

*Bảng 18. Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020*

(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá \ Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 096,1	1 301,6	1 857,2	2 268,5	2 148,6
Nhập khẩu	1 477,2	2 041,5	2 389,6	2 794,8	2 776,1

(Nguồn: WB, 2022)

- a. Tính tỉ trọng giá trị xuất khẩu – nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020.
- b. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu – nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020. Nhận xét.

**Bài 2:****Bảng 17. Quy mô dân số và tỉ lệ dân thành thị và nông thôn ở Hoa Kỳ, giai đoạn 2000 – 2020**

Năm	2000	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	282,2	309,3	320,7	331,5
Tỉ lệ dân thành thị (%)	79,1	80,8	81,7	82,7
Tỉ lệ dân nông thôn (%)	20,9	19,2	18,3	17,3

*(Nguồn: WB, 2022)*

a. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu tỉ lệ dân thành thị và nông thôn ở Hoa Kỳ, giai đoạn 2000 – 2020.

b. Rút ra nhận xét.

**Bài 3:****SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015- 2021***(Đơn vị: triệu người)*

Năm	2015	2018	2021
Thành thị	30,88	32,64	36,56
Nông thôn	61,35	62,75	61,94

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Tính tỉ lệ dân thành thị/ nông thôn của nước ta giai đoạn 2015 – 2021. Nhận xét.

**Bài 4:****GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2015 – 2020***(Đơn vị: triệu USD)*

Năm	2015	2018	2019	2020
Xuất khẩu	11432,0	16704,0	18110,0	16806,0
Nhập khẩu	16844,0	19355,0	18607,0	17947,0

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)*

a. Tính tỉ trọng giá trị xuất khẩu – nhập khẩu của Mi -an-ma giai đoạn 2015 – 2020.

b. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu – nhập khẩu của Mi -an-ma giai đoạn 2000 – 2020. Nhận xét.